TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/DS-PT
Ngày 21 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thông và ông Phạm Văn Cảnh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Mã Thị Kỳ là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa*:** Bà Đào Thị Óng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc**:** *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 10-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2019/QĐ-PT, ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn M - Có đơn xin vắng mặt, bà Phạm Thị L - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông Lý Minh T, bà Lê Thị P - Có mặt.

Cùng địa chỉ: Cụm T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Lý Minh T, bà Lê Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị L trình bày:

Ông M, bà L làm nghề kinh doanh bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng và mở cửa hàng tạp hóa nên vợ chồng ông Lý Minh T, bà Lê Thị P có mua hàng hóa tại cửa hàng của ông bà và có nợ tiền hàng, ngoài ra ông bà cũng cho ông T, bà P vay tiền nhiều lần.

Ngày 29-12-2014 (âm lịch) nhằm ngày 17-02-2015 (dương lịch) tại nhà của ông T hai bên chốt nợ với số tiền 32.692.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng và thỏa thuận hạn trả tiền là ngày 29-6-2015. Đến hạn, ông bà nhiều lần yêu cầu ông T, bà P trả nợ nhưng ông T, bà P không chịu trả. Do đó, ông bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông T, bà P trả cho ông bà số tiền vay là 32.692.000 đồng và tính lãi suất như hai bên thỏa thuận. Tuy nhiên, sau đó ông bà chỉ yêu cầu ông T, bà P trả số tiền vay 32.692.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Lý Minh T trình bày: Ông bà có mua hàng hóa tại cửa hàng của ông M và có nợ số tiền trên dưới 10.000.000 đồng, khi mua xong thì có ký vào sổ mua bán của ông M, bà L. Ông cho rằng khi ký vào sổ mua bán là 32.000.000 đồng chứ không có số lẻ như trong giấy vay tiền. Chữ ký trong giấy vay tiền ngày 29-12-2014 mà ông M cung cấp tại Tòa án không phải chữ ký của ông. Nay ông M, bà L yêu cầu trả số tiền 32.692.000 đồng thì ông không đồng ý và ông đã cung cấp các hóa đơn (là bản photo), chốt nợ đến ngày 06-9-2013 với số tiền 19.843.000 đồng, ông chỉ đồng ý trả số tiền là 19.843.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị P trình bày: Vợ chồng ông bà mua bán hàng hóa và chỉ nợ ông M, bà L trên dưới 10.000.000 đồng, chưa tính lãi, đó không phải là số tiền vay. Do đó, bà chỉ đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng cho ông M, bà L.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 10-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 219, Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị L.

Buộc ông Lý Minh T và bà Lê Thị P phải trả cho ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị L số tiền 32.692.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18-9-2019, bị đơn ông Lý Minh T, bà Lê Thị P làm đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm vì số tiền ông bà nợ không nhiều như phía nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ tại Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không chấp nhận yêu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lý Minh T và bà Lê Thị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 10-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy

[1]. Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Lý Minh T, bà Lê Thị P thấy rằng: Từ việc kinh doanh buôn bán hàng hóa phân bón, tạp hóa ở xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông thì vợ chồng ông T, bà P có nợ tiền hàng và tiền mượn của ông M, bà L. Phía nguyên đơn cung cấp vay tiền (bản gốc) đề ngày 29-12-2014 âm lịch do ông bà L viết, bên vay là ông Lý Minh T, bà Lê Thị P với số tiền là 32.692.000 đồng, người ký nhận là ông Lý Minh T, lãi suất 2,5%, thời hạn vay từ ngày 29-12-2014 đến ngày 29-6-2015. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn cho rằng số tiền vay này là số tiền nợ hàng hóa và tiền ông T, bà P vay nên khi hai bên chốt nợ thì ghi giấy vay với tổng số tiền 32.692.000 đồng (Bút lục 19).

Tại cấp sơ thẩm ông T cung cấp các hóa đơn của bà L giao cho ông khi mua hàng (đều là bản phô tô) đề các ngày 30-3-2013; 04-4-2013; 17-4-2013; 20-4-2013; 15-11-2013; 04-6-2013; 07-6-2013; 23-6-2013; 06-9-2013 chốt nợ với số tiền 19.843.000 đồng.

Phía ông T cho rằng chỉ nợ số tiền của bà M trên dưới 10.000.000 đồng và chỉ chấp nhận trả số tiền này vì chỉ nợ tiền hàng hóa của bà M chứ không vay tiền của bà M. Tuy nhiên, ông T thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 29-12-2014 âm lịch là của ông. Như vậy, hợp đồng vay tiền ngày 29-12-2014 âm lịch là có thật và ông T, bà P mua bán hàng hóa tại cửa hàng của bà L có nợ và chốt nợ với nhau. Đến ngày 29-12-2014 âm lịch hai bên viết giấy vay số tiền 32.692.000 đồng là sau thời điểm chốt nợ ngày 06-9-2013. Do đó, có căn cứ để xác định rằng vợ chồng ông T vay vợ chồng nguyên đơn số tiền trên. Mặc dù trong giấy vay tiền chỉ có ông T ký nhưng việc mua bán hàng hóa và vay tiền đều phục vụ mục đích sinh hoạt của gia đình nên ông T và bà P phải có nghĩa vụ chung trả nợ đối với khoản vay này.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng, bị đơn ông T và bà P không chứng minh được việc trả nợ cho ông M, bà L nên phải tự chịu hậu quả do việc không chứng minh được, Tòa án căn cứ vào chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án để xác định sự thật khách quan của vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T và bà P phải trả số tiền vay là 32.692.000 đồng cho nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Do đó, xét thấy kháng cáo của ông T và bà P là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là phù hợp.

[2]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Minh T, bà Lê Thị P.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 10-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luậtT tụng dân sự; Điều 219, Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị L.

Buộc ông Lý Minh T và bà Lê Thị P phải trả cho ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị L số tiền 32.692.000đ *(Ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn đồng)*.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải tra cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lý Minh T và bà Lê Thị P phải chịu 1.634.600đ *(Một triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị L số tiền 817.000đ *(Tám trăm mười bảy ngàn đồng)* tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0000568 ngày 02-5-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Minh T, bà Lê Thị P phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí ông Lý Minh T đã nộp theo biên lai số 0002550 ngày 04-10-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
-VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương